

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 5 - 2024
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1451/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:53/QĐST ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: D Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: D, Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

(Chị N xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và những lời khai tiếp theo của chị Bùi Thị Cẩm N là nguyên đơn trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Quốc B có tìm hiểu nhau thời gian, sau đó chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào năm 2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, đến tháng 01 năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không phù hợp, thường xuyên cãi nhau. Nên chị và

anh B xa nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B.

Về con chung: Chị và anh B chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K sinh ngày 05/9/2013 chị đang nuôi, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc B: Không có lời trình bày. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh B vắng mặt không có lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, chị Bùi Thị Cẩm N xin vắng mặt, anh Nguyễn Quốc B vắng đã triệu tập họp lệ, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm N nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Quốc B có hộ khẩu thường trú tại khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Chị Bùi Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B nên chị N được xác định là nguyên đơn, anh B là bị đơn.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm N xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Quốc B vắng mặt không có lý do đã được triệu tập họp lệ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Cẩm N và anh Nguyễn Quốc B.

Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu.

Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Chị Bùi Thị Cẩm N cho rằng, chị và anh B kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2014, nên hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh B trên cơ sở tự nguyện, chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh B thời gian đầu hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Nên chị N và anh B xa nhau thì đầu năm 2023. Tại phiên tòa chị N xin vắng mặt, tại bản tự khai chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh B. Đối với anh Nguyễn Quốc B, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh B không đến Tòa án cũng như gửi văn bản phản hồi ý kiến về việc xin ly hôn của chị N, anh B cũng không đưa ra được hướng đoàn tụ với chị N. Do đó. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Cẩm N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh B chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K sinh ngày 05/9/2013, chị N đang nuôi. Khi ly hôn chị N xin được tiếp tục nuôi.

Thấy rằng: Từ khi chị N và anh B ly thân nhau, chị N trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Bảo K phát triển bình thường, đồng thời tại bản tự khai cháu Nguyễn Bảo K có nguyện vọng muốn sống với chị N. Đối với anh B không có phản hồi ý kiến về việc xin nuôi con của chị N. Do đó Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho chị N tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đối với anh B vắng mặt không có lời trình bày về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết thành một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Cẩm N phải chịu án phí ly hôn, chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm N và anh Nguyễn Quốc B về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc B.

2. Về con chung: Chị N được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Bảo K sinh ngày 05/9/2013 (chị N đang nuôi). Anh B không cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết thành một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005759 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Như vậy chị N không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Bình A